

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2020
V/v Ly hôn giữa
Anh S và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Phúc**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Quyền** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thơ** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Hoàng Thanh S**, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Bạch T**, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 169 L, Phường H, Quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc NHC.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Châu Ngọc V** – Chức vụ: Phó Giám đốc NHC huyện C (văn bản ủy quyền ngày 12/11/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2019 và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Hoàng Thanh S trình bày: Anh và chị Lê Thị Bạch T cưới nhau cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân do tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2009 tại UBND xã L, huyện C. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung ba

mẹ ruột của anh khoảng 01 năm thì cất nhà ở riêng. Thời gian anh S và chị T chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ anh sống không chung thủy và có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Anh và chị T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay và chị T đang mang thai với người đàn ông khác. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Phạm Hoàng Thanh T, sinh ngày 25/3/2013 và Phạm Tiểu T, sinh ngày 26/9/2009. Hai con chung đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được nuôi cháu T và cháu T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh S không đồng ý cho chị T nuôi cháu T vì chị T sống chung người đàn ông khác, không có nơi ở ổn định, chị T đã giao con cho anh nuôi khoảng 01 năm nay và không đến thăm con. Hiện các con đã đi học ổn định tại xã L.

Về chia tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung. Đối với khoản nợ Ngân hàng C số tiền 42.000.000đồng và lãi phát sinh, nợ ông Lê Văn N 15.000.000đồng, ông Bùi Văn P 15.000.000đồng và bà Bùi Thị U 8.000.000đồng. Đây là khoản vay riêng của chị T, không liên quan đến anh vì khi vay chị T không thông báo cho anh biết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Bạch T trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh Phạm Hoàng Thanh S về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị và anh S ly thân từ năm 2018 cho đến nay và chị đã chung sống với người đàn ông khác, hiện chị đang mang thai được khoảng bảy tháng. Anh S cũng có quan hệ với người phụ nữ khác, sống không chung thủy. Hiện tại, chị xét thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm không còn nên anh S yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Phạm Hoàng Thanh T, sinh ngày 25/3/2013 và Phạm Tiểu T, sinh ngày 26/9/2009. Hai con chung đang sống cùng anh S. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T, chị đồng ý cho anh S nuôi cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị có mở quán cà phê ở tỉnh An Giang, công việc, thu nhập và nơi ở chị ổn định. Anh S đi xa lan nên không có thời gian chăm sóc con. Trước đây chị là người trực tiếp nuôi con, khoảng vài tháng nay do anh S năn nỉ chị giao con cho anh S nuôi để các cháu được sống gần nhau nên chị đồng ý và anh S đã giành quyền nuôi các cháu cho đến nay, chị có đến thăm các con nhưng gia đình anh S ngăn cản.

Về chia tài sản: vợ chồng có tài sản chung gồm 01 căn nhà lá cất trên đất ba mẹ ruột chị cho nhưng chị không tranh chấp.

Về nợ chung: Chị và anh S có nợ Ngân hàng C số tiền 42.000.000đồng, nợ ông Lê Văn N 15.000.000đồng, ông Bùi Văn P 15.000.000đồng và bà Bùi Thị U 8.000.000đồng nhưng hiện tại ông N, ông P và bà U không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Đối với nợ Ngân hàng C thì chị T chỉ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ, còn lại $\frac{1}{2}$ nợ thì anh S có nghĩa vụ trả, vì chị vay nợ để lo cho gia đình và anh S cũng biết.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội có ông Châu Ngọc V trình bày:

Vào ngày 15/3/2018 anh Phạm Hoàng Thanh S và chị Lê Thị Bạch T vay Ngân hàng C số tiền 12.000.000đồng về chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (mục đích sử dụng kéo nước sạch xây nhà vệ sinh). Phương thức: 6 tháng trả gốc 1.200.000đồng tính kể từ ngày vay, lãi trả hàng tháng theo thỏa thuận với Ngân hàng.

Ngày 15/8/2018 anh S và chị T vay tiếp 30.000.000đồng chương trình hộ mới thoát nghèo (mục đích đào ao mua dụng cụ nuôi tôm). Phương thức: 12 tháng trả gốc 6.000.000đồng tính kể từ ngày vay, lãi trả hàng tháng theo thỏa thuận với Ngân hàng.

Từ khi vay chị T trả lãi đến ngày 15/02/2020 thì ngưng, tiền gốc của hai khoản vay đến nay vẫn chưa trả, tiền gửi tiết kiệm 702.000đồng.

Nay, Ngân hàng C yêu cầu vợ chồng anh Phạm Hoàng Thanh S và chị Lê Thị Bạch T trả số tiền vay gồm nợ gốc của hai khoản là 42.000.000đồng (trừ số tiền gửi tiết kiệm 702.000đồng) còn 41.298.000đồng; và lãi phát sinh sau ngày 15/02/2020 .

Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T hiện đang mang thai, việc ly hôn trong thời gian này sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T nên ông xin được rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh S và chị T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa, anh S và chị T đều thừa nhận hiện chị T đang mang thai. Anh S yêu cầu ly hôn, chị T cũng đồng ý nhưng anh S và chị T không thống nhất về nuôi dưỡng con chung và nợ chung và theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi...* ”. Do đó anh S yêu cầu ly hôn với chị T là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên căn cứ vào Điều c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh Phạm Hoàng Thanh S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Bạch T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Chị T trình bày: Vợ chồng chị có nợ ông Lê Văn N 15.000.000đồng, ông Bùi Văn P 15.000.000đồng và bà Bùi Thị U 8.000.000đồng nhưng những người này không yêu cầu Tòa án giải quyết và từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không đưa ông N, ông P và bà U vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ngày 15/8/2019 anh Phạm Hoàng Thanh S nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Bạch T. Trong quá trình Tòa án làm việc các bên đương sự không trình bày về việc T đang mang thai và tại phiên tòa hôm nay chị T và anh S đều thừa nhận chị T đang có thai khoảng 07 tháng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi”*. Như vậy, trong trường hợp này anh S không có quyền yêu cầu ly hôn với chị T. Vì vậy, Tòa án bác yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Hoàng Thanh S.

[2.2] Về tài sản chung và con chung: Do yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Hoàng Thanh S bị bác nên Tòa án không xem xét về phần tài sản chung và con chung.

[2.3] Về nợ: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng C ông Châu Ngọc V xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về khoản nợ vay của anh Phạm Hoàng Thanh S và chị Lê Thị Bạch T nên căn cứ vào Điều c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng C.

[2.4] Về án phí: Anh Phạm Hoàng Thanh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng Thanh S về việc “Ly hôn” đối với chị Lê Thị Bạch T.

2. Về nợ: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” đối với anh Phạm Hoàng Thanh S và chị Lê Thị Bạch T.

3. Hậu quả của việc đình chỉ: Ngân hàng C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí:

[4.1] Anh Phạm Hoàng Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001577 ngày 28/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

[4.2] Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.116.000 đồng tại biên lai số 0001855 ngày 15/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung